

MẪU 14/KHCN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3839 /QĐ-ĐHQGHN ngày 24 tháng 10 năm 2014
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



BÁO CÁO TỔNG KẾT

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRỌNG ĐIỂM
CẤP ĐẠI HỌC QUỐC GIA**

Tên đề tài

Tiếng Việt: Chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân

Tiếng Anh: Oversight function of Local People Council

Mã số QG 15. 62

Chủ nhiệm đề tài: GS.TS. Nguyễn Đăng Dung

Hà Nội, tháng 12 năm 2016

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên đề tài: Chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân

1.2. Mã số: QG 15.62

1.3. Danh sách chủ trì, thành viên tham gia thực hiện đề tài

STT	Chức danh, học vị, họ tên	Đơn vị công tác	Vai trò thực hiện đề tài
1.	GS.TS.Nguyễn Đăng Dung	Khoa Luật ĐHQGHN	Chủ nhiệm
2.	PGS.TS. Bùi Xuân Đức	Khoa Luật ĐHQGHN	Ủy viên
3.	PGS.TS. Vũ Công Giao	Khoa Luật ĐHQGHN	Ủy viên
4.	TS. Trần Nho Thìn	Bộ Tư pháp	Ủy viên
5.	TS. Đặng Minh Tuấn	Khoa Luật ĐHQG Hà Nội	Ủy viên
6.	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Khoa Luật ĐHQG Hà Nội	Ủy viên
7.	Hoàng Thị Hương	Khoa Luật ĐHQG Hà Nội	Thư ký đề tài

1.4. Đơn vị chủ trì: Khoa Luật ĐHQGHN

1.5. Thời gian thực hiện:

1.5.1. Theo hợp đồng: từ tháng 02 năm 2015 đến tháng 02 năm 2017

1.5.2. Gia hạn (nếu có):

1.5.3. Thực hiện thực tế: từ tháng 04 năm 2015 đến tháng 10 năm 2016

1.6. Những thay đổi so với thuyết minh ban đầu (nếu có): không

(Về mục tiêu, nội dung, phương pháp, kết quả nghiên cứu và tổ chức thực hiện; Nguyên nhân; Ý kiến của Cơ quan quản lý)

1.7. Tổng kinh phí được phê duyệt của đề tài: 250 triệu đồng.

PHẦN II. TỔNG QUAN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Viết theo cấu trúc một bài báo khoa học tổng quan từ 6-15 trang (báo cáo này sẽ được đăng trên tạp chí khoa học ĐHQGHN sau khi đề tài được nghiệm thu), nội dung gồm các phần:

1. Đặt vấn đề Theo Hiến pháp mới Điều 113 quy định Hội đồng nhân dân có hai chức năng căn bản là: quyết định các vấn đề của địa phương và giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương. Mặc dù hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân địa phương đã được tiến hành ngay từ thời có Hội đồng nhân dân của chế độ Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhưng đây là đầu tiên chức năng giám sát của Hội đồng được quy định ở tầm Hiến pháp tương xứng với chức năng quyết định các vấn đề của địa phương. Trong bối cảnh Việt Nam đang xây dựng Luật về chính quyền địa phương, và Luật Giám sát Hội đồng nhân dân địa phương việc hiểu thấu đáo về các chức năng của Hội đồng nhân dân là rất quan trọng. Hội đồng địa phương là một kênh để công dân kiểm soát các công việc ở địa phương,

thể hiện ý chí qua bầu cử và qua tác động lên các nhà chức trách, nhất là khi chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các chính sách của trung ương. Đây cũng là nơi duy nhất ở địa phương mà các quan chức chịu trách nhiệm giải trình trước các cơ quan dân cử - Hội đồng địa phương do người dân bầu ra. Các dịch vụ công có đến tay người dân hay không, có đúng với nhu cầu, đòi hỏi của người hưởng thụ hay không; ngân sách và hoạt động của chính quyền có minh bạch, hiệu quả, liêm chính hay không... Những vấn đề này được giải quyết nhờ một phần lớn vào hiệu quả hoạt động giám sát của Hội đồng địa phương.

2. Mục tiêu-Mục tiêu chung: Phân tích cơ sở lý thuyết, vai trò, vị trí, chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân; thực trạng hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân; các đề xuất tăng cường hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân;

- *Mục tiêu cụ thể:*

Làm rõ các cơ sở lý thuyết, vai trò, vị trí, hình thức thực hiện chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân tại Việt Nam;

So sánh kinh nghiệm quốc tế;

Các thành công và hạn chế của hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân nói chung và một số địa phương tiêu biểu như ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương khác;

Các đề xuất, kiến nghị tăng cường hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân trong đó có nguyên tắc của dự thảo Luật giám sát của Hội đồng địa phương

3. Phương pháp nghiên cứu

Các tác giả tham gia đề tài đã dùng các phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh các đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam về các cơ quan dân chủ đại diện để phân tích các vị trí vai trò của Cơ quan đại diện dân cử ở địa phương và chức năng giám sát của cơ quan này. Nhất là quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, Quốc hội cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất chẳng qua cũng cơ quan Hội đồng nhân dân tối cao, hay được hiểu một cách khác, địa vị pháp lý cũng như các hình thức và phương pháp hoạt động của Hội đồng nhân dân địa phương không khác mấy các thức tổ chức và hoạt động của Quốc hội, duy chỉ có sự khác nhau về phạm vi hoạt động của Quốc hội trên toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, còn Hội đồng nhân dân chỉ trên phạm vi lãnh thổ địa phương.

Ngoài những điểm phương pháp luận nói trên, các tác giả còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội cụ thể khác như lịch sử, so sánh đối chiếu, điều tra xã hội, tổng hợp phân tích....

4. Tổng kết kết quả nghiên cứu:

- Phân tích được cơ sở lý luận của chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân :

Mặc dù không có chức năng lập pháp và giám sát như cơ quan Nghị viện/ Quốc hội, nhưng với tư cách là cơ quan đại diện do người dân thực hiện quyền dân chủ của mình bầu ra trên phạm vi lãnh thổ địa phương, Hội đồng nhân dân bên cạnh chức năng quyết định các vấn đề ở địa phương là chức năng giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng nhân

dân và việc chấp hành Hiến pháp và pháp luật trên vùng lãnh thổ trực thuộc. Để giành tính chủ động cho cơ quan hành pháp địa phương - Ủy ban nhân dân, mà đứng sau Ủy ban Nhân dân là Ban chấp hành Đảng bộ của địa phương - trong nhiều trường hợp chức năng giám sát còn chiếm một vị trí quan trọng hơn cả chức năng quyết định của Hội đồng nhân dân. Chức năng này không khác mấy chức năng giám sát của Quốc hội đối với các cơ quan do Quốc hội thành lập ra ở trung ương, và có trọng tâm là giám sát Chính phủ bao gồm giám sát Thủ tướng và các Bộ trưởng.

- Phân tích các hình thức và phương pháp thực hiện chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân, và thực trạng của vấn đề.

Chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân gần giống như của Quốc hội bao gồm: Việc xem xét báo cáo của các cơ quan trực thuộc; Chất vấn của các đại biểu, các đoàn giám sát cơ sở, hoạt động giám sát của các ban Hội đồng nhân dân..

Những năm gần đây chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân các địa phương nhất là của Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có nhiều chuyển biến tốt, cũng giống như Quốc hội phiên chất vấn diễn ra trên các kỳ họp của Hội đồng được người dân thường xuyên theo dõi, nhiều gương mặt của người đại biểu Hội đồng nhân dân còn nổi trội nghiêng ngửa với cả đại biểu Quốc hội hăng hái thực hiện chức năng giám sát / chất vấn nhất như đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh được giới truyền thông nêu thành hiện tượng Ông Hội đồng Khoa.

Bên cạnh những thành công không hồi còn những hạn chế của việc thực hiện chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân. Có rất nhiều nguyên nhân cho vấn đề này được phân tích như: i. pháp luật chưa rõ ràng, như chưa có luật giám sát riêng cho Hội đồng nhân dân mà cùng được điều chỉnh chung một đạo luật về giám sát của Quốc hội với Hội đồng nhân dân; ii. nhận thức, nhiều đại biểu cũng như nhiều người khác nhầm lẫn giữa giám sát của Hội đồng nhân dân với hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan tổ chức nhà nước khác, mong mỗi có một sự chế tài có hiệu quả ngay đối với đối tượng bị giám sát, mà không thấy được mục tiêu cách thức giám sát của Hội đồng nhân dân; iii. Sự ngại va chạm của người đại biểu đối với đối tượng bị giám sát.... (trang 190)

- Đề xuất các giải pháp nâng cao hoạt động giám sát của cơ quan dân cử ở địa phương.

Có 2 nhóm giải pháp: i. Giải pháp về nhận thức và ii. Giải pháp cụ thể

Nhận thức đúng chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân ít nhất là tương đương với chức năng quyết định của Hội đồng nhân dân. Bên cạnh đó với đặc thù của chế độ một Đảng Cộng sản lãnh đạo, chức năng này của Hội đồng nhân dân sẽ không có khả năng phát huy được vai trò của mình nếu như không được các cấp ủy Đảng quan tâm chú ý, trong việc đề ra các chủ trương chính sách cũng như nhân lực cho Hội đồng nhân dân. Trên thực tế còn rất nhiều địa phương chưa quan tâm bố trí cán bộ có năng lực đảm trách các vị trí chủ chốt trong cơ cấu Hội đồng nhân dân như Chủ tịch, các phó Chủ tịch và các Trưởng ban, phó trưởng ban Hội đồng nhân dân.

Nâng cao năng lực giám sát của HĐND trước hết phải bảo đảm nguyên tắc tuân thủ Hiến pháp và các quy định của pháp luật hiện hành. Các quy định của pháp luật nói chung và quy định về hoạt động giám sát của HĐND nói riêng phải bảo đảm nguyên tắc phù hợp thực tiễn cuộc sống, đồng thời phải cụ thể, rõ ràng. Pháp luật càng cụ thể rõ ràng bao nhiêu thì việc thực hiện sẽ được thuận lợi và kết quả đạt được sẽ càng cao bấy nhiêu. Chính vì

vậy, việc nghiên cứu tiếp tục hoàn thiện các quy định về hoạt động giám sát của HĐND trên cơ sở kinh nghiệm hoạt động thực tiễn là rất cần thiết trước mắt cũng như lâu dài.

Cũng giống như Quốc hội, HĐND muốn hoạt động tốt thì phải tăng cường hoạt động của các ban. Theo quy định hiện hành, HĐND cấp tỉnh có 3 ban gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, nơi nào có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số thì thành lập Ban Dân tộc; HĐND cấp huyện có 2 ban gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Xã hội, nơi nào có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số thì thành lập Ban Dân tộc. Việc quy định cứng các ban như hiện nay bảo đảm để các ban của HĐND giúp HĐND những lĩnh vực chính, lĩnh vực chung nhất thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND. Tuy nhiên, chính việc quy định cứng này lại làm giảm sự linh động, giảm hiệu quả hoạt động của HĐND. Là cơ quan đại diện, thay mặt nhân dân quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương, giám sát hoạt động của UBND, lĩnh vực và thẩm quyền công việc của HĐND là rất rộng lớn. Do vậy, về tổ chức, HĐND cũng cần có sự tương quan nhất định với nhiệm vụ, thẩm quyền được giao và với đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là ở cấp tỉnh. Vì vậy việc quy định mở về việc thành lập các ban HĐND để khởi cứng nhắc, tạo thuận lợi và linh hoạt cho việc tổ chức, góp phần giúp HĐND có điều kiện giám sát chuyên sâu hơn theo từng lĩnh vực là rất cần thiết...

Đối với đại biểu dân cử, thông tin là nhu cầu đặc biệt quan trọng. Ở các cấp độ và mức độ khác nhau, thông tin trở thành công cụ không thể thiếu để phục vụ hoạt động đại biểu. Cần tăng cường và đa dạng các nguồn thông tin cung cấp cho đại biểu phù hợp với từng cấp HĐND (thông tin tổng hợp, thông tin chuyên ngành, dư luận xã hội, ý kiến, nguyện vọng của người dân và kể cả ý kiến của các nhà khoa học, chuyên gia...).

5. Đánh giá về các kết quả đã đạt được và kết luận:

- 02 Bài báo đăng tạp chí Khoa học ĐHQG, Luật học

- 01 Sách Chuyên khảo: Chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân

6. Tóm tắt kết quả (tiếng Việt và tiếng Anh)

Từ sự phân tích những cơ sở lý luận, pháp lý, hình thức thể hiện đến thực trạng thực hiện chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân các địa phương ở Việt Nam, các tác giả đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường việc thực hiện chức năng giám sát của Hội đồng. Đó là việc nhận thức lại tầm quan trọng của chức năng giám sát Hội đồng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với chức năng này.

Base on analyzing of the theoretical, legal basic and form of People Council's supervisory functions to the practice in Vietnam, the authors propose measures to enhancing supervisory functions of the local People Council. It raises awareness to the importance of the supervisory functions and enhances the leadership of Communism Party to this function.

PHẦN III. SẢN PHẨM, CÔNG BỐ VÀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO CỦA ĐỀ TÀI

3.1. Kết quả nghiên cứu

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học hoặc/và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật
-----------	---------------------	---

		Đăng ký	Đạt được
1	Bài báo công bố trên tạp chí khoa học ĐHQG, Luật	01	Hoàn thành 02
2	Sách chuyên khảo	Sách Chuyên khảo Về chức năng giám sát của HĐND	Hoàn thành
3	Hướng dẫn thực sĩ	01	02 đã bảo vệ luận văn

3.2. Hình thức, cấp độ công bố kết quả

TT	Sản phẩm	Tình trạng (<i>Đã in/ chấp nhận in/ đã nộp đơn/ đã được chấp nhận đơn hợp lệ/ đã được cấp giấy xác nhận SHTT/ xác nhận sử dụng sản phẩm</i>)	Ghi địa chỉ và cảm ơn sự tài trợ của ĐHQGHN đúng quy định	Đánh giá chung (<i>Đạt, không đạt</i>)
1	Công trình công bố trên tạp chí khoa học quốc tế theo hệ thống ISI/Scopus			
1.1				
1.2				
2	Sách chuyên khảo được xuất bản hoặc ký hợp đồng xuất bản			
2.1				
2.2				
3	Đăng ký sở hữu trí tuệ			
3.1				
3.1				
5	Bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế			
5.1	Bài tạp chí: Chức năng giám sát của HĐND	Đã đăng	Tạp chí Khoa học – ĐHQGHN, Luật học tập 32, số 01/2016 (Tr1-9)	
5.2	Bài tạp chí: Chính quyền địa phương	Đã đăng	Tạp chí Khoa học – ĐHQGHN, Luật học tập 32, số 03/2016 (Tr1-10)	
5.3	Sách Chuyên khảo: Chức năng giám sát của HĐND	Đã xuất bản	Nhà xuất bản Hồng Đức năm 2016	
6	Báo cáo khoa học kiến nghị, tư vấn chính sách theo đặt hàng của đơn vị sử			

	dùng			
6.1				
6.2				
7	Kết quả dự kiến được ứng dụng tại các cơ quan hoạch định chính sách hoặc cơ sở ứng dụng KH&CN			
7.1	Kết quả nghiên cứu của đề tài dùng làm tài liệu học tập, nghiên cứu cho các hệ đào tạo và làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan lập pháp			
7.2				

Ghi chú:

- *Cột sản phẩm khoa học công nghệ: Liệt kê các thông tin các sản phẩm KHCN theo thứ tự <tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí/nhà xuất bản, số phát hành, năm phát hành, trang đăng công trình, mã công trình đăng tạp chí/sách chuyên khảo (DOI), loại tạp chí ISI/Scopus>*

- *Các ấn phẩm khoa học (bài báo, báo cáo KH, sách chuyên khảo...) chỉ được chấp nhận nếu có ghi nhận địa chỉ và cảm ơn tài trợ của ĐHQGHN theo đúng quy định.*

- *Bản phô tô toàn văn các ấn phẩm này phải đưa vào phụ lục các minh chứng của báo cáo. Riêng sách chuyên khảo cần có bản phô tô bìa, trang đầu và trang cuối có ghi thông tin mã số xuất bản.*

3.3. Kết quả đào tạo

TT	Họ và tên	Thời gian và kinh phí tham gia đề tài (số tháng/số tiền)	Công trình công bố liên quan (Sản phẩm KHCN, luận án, luận văn)	Đã bảo vệ
Nghiên cứu sinh				
1				
Học viên cao học				
1	Phạm Thị Thảo	2015	Giám sát của hội đồng nhân dân tỉnh – qua thực tiễn ở tỉnh Hưng Yên	Đã bảo vệ
2	Lê Tuyết Hương	2015	Hoạt động giám sát của HĐND – qua thực tiễn quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội	Đã bảo vệ

Ghi chú:

- *Gửi kèm bản photo trang bìa luận án/ luận văn/ khóa luận và bằng hoặc giấy chứng nhận nghiên cứu sinh/thạc sỹ nếu học viên đã bảo vệ thành công luận án/ luận văn;*

- *Cột công trình công bố ghi như mục III.1.*

PHẦN IV. TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÁC SẢN PHẨM KH&CN VÀ ĐÀO TẠO CỦA ĐỀ TÀI

T	Sản phẩm	Số lượng đăng ký	Số lượng đã hoàn thành
1	Bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế theo hệ		

	thống ISI/Scopus		
2	Sách chuyên khảo được xuất bản hoặc ký hợp đồng xuất bản	01	01
3	Đăng ký sở hữu trí tuệ		
4	Bài báo quốc tế không thuộc hệ thống ISI/Scopus		
5	Số lượng bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế	01	02
6	Báo cáo khoa học kiến nghị, tư vấn chính sách theo đặt hàng của đơn vị sử dụng		
7	Kết quả dự kiến được ứng dụng tại các cơ quan hoạch định chính sách hoặc cơ sở ứng dụng KH&CN		
8	Đào tạo/hỗ trợ đào tạo NCS		
9	Đào tạo thạc sĩ	01	02

PHẦN V. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI			
- Tổng kinh phí thực hiện đề tài: 250.000.000(triệu đồng)			
STT	Nội dung chi	Kinh phí được duyệt (triệu đồng)	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)
A	Chi trực tiếp	2.000.000	2.000.000
1.	Thu thập tư liệu (mua, thuê)	10.000.000	10.000.000
2.	Dịch tài liệu tham khảo (số trang 110 x 100.000đ)	11.000.000	11.000.000
3.	Viết báo cáo tổng quan tư liệu đề tài	3.000.000	3.000.000
4.	Chi phí thuê mướn	11.500.000	11.500.000
5.	Nghiên cứu viết chuyên đề	96.000.000	96.000.000
6.	Chi phí họp nhóm nghiên cứu đề tài, nghiệm thu 2 cấp	10.000.000	10.000.000
7.	Tọa đàm khoa học	11.000.000	11.000.000
8.	Báo cáo tổng kết đề tài (báo cáo chính và báo cáo tóm tắt)	12.000.000	12.000.000
9.	In sách Chuyên khảo	30.000.000	30.000.000
10.	In ấn, photocopy	4.500.000	4.500.000
11.	Văn phòng phẩm	5.000.000	5.000.000
12.	Thù lao cho Chủ nhiệm đề tài	16.000.000	16.000.000

B.	Chi phí gián tiếp		
13.	Quản lý chung đề tài	28.000.000	28.000.000
	Tổng kinh phí	250.000.000	250.000.000

PHẦN V. KIẾN NGHỊ (về phát triển các kết quả nghiên cứu của đề tài; về quản lý, tổ chức thực hiện ở các cấp)

PHẦN VI. PHỤ LỤC (minh chứng các sản phẩm nêu ở Phần III)

- Bản photo các bài báo đã công bố
- Bản photo các Quyết định hướng dẫn thạc sĩ

Hà Nội, ngày thángnăm 2016

Đơn vị chủ trì đề tài
(Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu)

Chủ nhiệm đề tài
(Họ tên, chữ ký)

Nguyễn Đăng Dung